TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **108**/2019/DS-ST
Ngày: 13/11/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đông

Ông Phạm Văn Nam

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày **13** tháng **11** năm **201**9, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 353/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 382/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP K**;

Địa chỉ trụ sở: Số X đường Y, phường Z, thành phố A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện: Ông Võ Duy B - Giám đốc Ngân hàng TMCP K chi nhánh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Hữu N - Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP K chi nhánh Bến Tre - Phòng giao dịch M; Theo văn bản ủy quyền ngày 21/8/2019. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông **Trương Văn N**, sinh năm 1959; (có mặt)

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1957; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2019, bản tự khai, cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên toà ông Trần Hữu N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:**

Vào ngày 19/01/2015, ông Trương Văn N và bà Trần Thị H có vay của Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Bến Tre - Phòng giao dịch M với số tiền 50.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng ABC(viết tắt là hợp đồng tín dụng), các bên thỏa thuận cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 50.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bù đắp vốn tự có đã sử dụng chăn nuôi bò thịt;
- Giải ngân: ngày 19/01/2015;
- Thời hạn vay: 13 tháng kể từ ngày nhận nợ lần đầu;
- Lãi suất: 14,13%/ năm, trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng tín dụng, lãi suất vay sẽ được thay đổi trong các trường hợp quy định tại hợp đồng này;
- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn;
- Lãi suất chậm trả: 0,05%/ngày;
- Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất của các thửa đất số 201, 271 cùng tờ bản đồ số 24 cùng tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre do ông Trương Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số XYZ ngày 19/01/2015.

Đến hạn trả nợ, ngân hàng thông báo, yêu cầu thanh toán trả tất nợ cho ngân hàng, tuy nhiên ông N và bà H đã cam kết nhiều lần nhưng không thực hiện nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký. Nay, Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam giải quyết:

- Buộc ông Trương Văn N và bà Trần Thị Hcó nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 13/11/2019: 91.520.835 đồng, (trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.336.000 đồng, tiền lãi chậm trả: 1.644.710 đồng, tiền lãi quá hạn: 37.540.125 đồng) theo hợp đồng tín dụng ABC và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 14/11/2019 cho đến ngày thanh toán tất nợ.

- Trường hợp ông Trương Văn N và bà Trần Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp số XYZ ngày 19/01/2015 đối với các thửa đất số 201, 271 tờ bản đồ số 24 cùng tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre do ông Trương Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2019 và biên bản hòa giải ngày 28/10/2019 cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Trương Văn N trình bày:

Trước năm 2015, ông và bà Trần Thị H sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, đến năm 2016 ông và bà H đều bị bệnh, kể từ đó thì mạnh ai nấy sống, ông và bà H không còn sống chung như vợ chồng nữa. Trong thời gian sống chung như vợ chồng, vào ngày 19/01/2015, ông và bà H có ký vay của Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Bến Tre - Phòng giao dịch M số tiền 50.000.000 đồng. Ông thống nhất với lời trình bày của ngân hàng về nội dung thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng tín dụng. Sau khi vay tiền, ông là người trực tiếp nhận tiền. Do ông bị bệnh nên việc chăn nuôi bị thua lỗ vì vậy ông đã không thực hiện đúng như thỏa thuận theo như hợp đồng tín dụng đã ký kết. Khi ký hợp đồng tín dụng thì ông có thế chấp cho ngân hàng thửa đất số 201, 271 tờ bản đồ số 24 cùng tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện trạng đất đúng như biên bản xác minh ngày 11/10/2019 do Tòa án thu thập.

Nay, ông thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 13/11/2019 là: 91.520.835 đồng (trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.336.000 đồng, tiền lãi chậm trả: 1.644.710 đồng, tiền lãi quá hạn: 37.540.125 đồng) theo hợp đồng tín dụng ABC ngày 19/01/2015. Ông đồng ý trả cho ngân hàng số nợ này và tiền lãi phát sinh.Trường hợp ông không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì ông cũng đồng ý để ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp số XYZ ngày 19/01/2015.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2019, bị đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà có tham gia Hội sinh vật cảnh do ông Trương Văn N làm Chủ tịch hội, quan hệ giữa bà và ông N chỉ là bạn bè chứ không có sống với nhau như vợ chồng như Ngân hàng TMCP K và ông N trình bày. Vào ngày 19/01/2015, bà thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng 21/2015/HĐTD/0303-2257 và hợp đồng thế chấp số XYZ với Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Bến Tre - Phòng giao dịch M. Sở dĩ, bà ký tên vào các hợp đồng nêu trên là do ông N nhờ bà ký để ông N được vay của ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng, bà ký tên với tư cách là người làm chứng chứ bà không có vay tiền của ngân hàng. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, người trực tiếp nhận tiền là ông N. Do đó, nay ngân hàng yêu cầu bà cùng ông N liên đới trả tiền cho ngân hàng thì bà không đồng ý, bà không liên quan gì đến vụ án này. Do tuổi cao, đi lại khó khăn bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong quá trình giả quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, xét thấy yêu cầu

khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với ông N và bà H là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K với ông Trương Văn N và bà Trần Thị H thể hiện nội dung Ngân hàng TMCP K có cho ông N và bà Hvay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 13 tháng. Đã đến hạn hợp đồng tín dụng nhưng ông N và bà H không thanh toán tiền gốc và lãi cho ngân hàng nên nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N và bà H trả tiền cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hợp đồng tín dụng được ký kết vào ngày 19/01/2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản)" là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Khi vay tiền, ông N và bà H không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay bù đắp vốn tự có đã sử dụng chăn nuôi bò thịt. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác cho cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân cấp huyện. Đồng thời, theo hợp đồng tín dụng thể hiện ông N và bà H vay tiền tại Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Bến Tre - Phòng giao dịch M. Đối chiếu quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

[3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Bị đơn bà Trần Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K:

[4.1] Xét Hợp đồng tín dụng số ABC được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K với ông N và bà H đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Thời hạn hợp đồng từ ngày 19/01/2015 cho đến ngày 19/02/2016, tuy nhiên từ ngày 19/02/2016 cho đến nay, ông N và bà H không thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc và lãi như thỏa thuận giữa các bên. Như vậy, ông N và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi được quy định tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng. Căn cứ các điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và các điều 91,

95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông N và bà Hphải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 13/11/2019 là 91.520.835 đồng (trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.336.000 đồng, tiền lãi chậm trả: 1.644.710 đồng, tiền lãi quá hạn 37.540.125 đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận. Kể từ ngày 14/11/2019, ông N và bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[4.2] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và/hoặc tài sản gắn liền với đất số XYZ ngày 19/01/2015 thấy rằng: Khi vay tiền, ông N và bà H đã thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa 201, 274 tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre do ông N đứng tên quyền sử dụng đất. Xét thấy: hợp đồng thế chấp được chứng thực tại UBND xã M vào ngày 19/01/2015, cùng ngày ông N đã có đơn yêu cầu đăng ký thế chấp, quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T). Căn cứ khoản 1 Điều 179 và Điều 188 Luật Đất đai năm 2013, hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật. Tại Điều 10 của hợp đồng thế chấp các bên thỏa thuận ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi một hoặc toàn bộ các khoản nợ phải trả, thỏa thuận này phù hợp với Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2005. Từ các căn cứ trên, xét thấy Ngân hàng TMCP K yêu cầu trường hợp ông N và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền phát mãi tài sản thế chấp là 02 quyền sử dụng đất nêu trên là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K được chấp nhận nên ông N và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 91.520.835 đồng x 5% = 4.576.000 đồng. Tuy nhiên, ông N và bà H là người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết nêu trên thì ông N và bà Hđược miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 351, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 3 Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K đối với ông Trương Văn N và bà Trần Thị H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản), cụ thể như sau:

1.1. Buộc ông Trương Văn N và bà Trần Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 13/11/2019 là 91.520.835 (chín mươi mốt triệu, năm trăm hai mươi nghìn, tám trăm ba mươi lăm) đồng, trong đó: tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.336.000 đồng, tiền lãi chậm trả: 1.644.710 đồng, tiền lãi quá hạn: 37.540.125 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số ABC ngày 19/01/2015.

Kể từ ngày 14/11/2019, ông Trương Văn N và bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP K thì lãi suất mà ông Trương Văn N và bà Trần Thị H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP K theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP K.

1.2. Trường hợp ông Trương Văn N và bà Trần Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất số 201, 271 cùng tờ bản đồ số 24 cùng tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre do ông Trương Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo hợp đồng thế chấp số XYZ ngày 19/01/2015 để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Ông Trương Văn N và bà Trần Thị H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.213.000 (hai triệu, hai trăm mười ba nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006463 ngày 20/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như